

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 125/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 7 - 2023
“V/v: Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Đông.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Cẩm.

2. Bà Vi Thị Kiều Chi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Quyên - Thư ký Toà án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

- Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 7 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 183/2023/TLST-HNGĐ ngày 14/3/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 120/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 10/7/2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị H - sinh năm 1969.

Nơi ĐKKHKT: Khối 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Địa chỉ hiện nay: Xóm 1, Thôn 13, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 03/7/2023).

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T - sinh năm 1958.

Địa chỉ: Tổ liên gia 60, khối 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk - (Có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 19/7/2023).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà Nguyễn Thị H có đăng ký kết hôn ngày 03/3/2014 với ông Nguyễn Văn T tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T chung sống với nhau chỉ được thời gian ngắn. Năm 2016 bà H phải bỏ nhà ra đi. Cho đến nay bà H làm đơn này mong Toà án xét xử cho bà H được ly hôn với ông T với 03 điều cơ bản: Bà H và ông T sống với nhau tròn 12 tháng, không có con với ông T; Bản thân bà H không có tài sản để bổ sung cho ông T; Ông T coi bản thân bà H như người ở

trong nhà, không có quyền làm vợ, không có tự do cho cá nhân, muốn cần tiền thì bản thân bà H đều phải xin ông T.

Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị H có yêu cầu ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà H số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Tuy nhiên, ngày 03/7/2023 bà H xin rút yêu cầu về việc chia tài sản chung.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn T trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập, tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần theo quy định của pháp luật nhưng ông Nguyễn Văn T vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

3. *Kết quả xác minh tại chính quyền địa phương:*

Ông Nguyễn Văn T đang sinh sống tại tổ dân phố 7, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Về mâu thuẫn vợ chồng: Vợ chồng bà H, ông T có xảy ra mâu thuẫn, tuy nhiên nguyên nhân mâu thuẫn như thế nào thì địa phương không nắm rõ nên không cung cấp. Hiện nay, ông T, bà H đã ly thân. Nay bà H làm đơn xin ly hôn ông T thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông bà không có con chung.

Về tài sản chung: Địa phương không nắm rõ nên không cung cấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T, đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc “Ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về trình tự, thủ tục tố tụng:

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt nên Tòa án Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tiến hành xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Xét về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T đi đến hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban Nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/03/2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm sống, nên giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T

xảy ra mâu thuẫn. Bà Nguyễn Thị H có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, bà Nguyễn Thị H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn T phải trả cho bà H số tiền 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng). Tuy nhiên, ngày 03/7/2023 bà H có đơn xin rút yêu cầu chia tài sản trên. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản của bà H.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Văn T không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Đình chỉ đối với yêu cầu chia tài sản của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

- Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 2.050.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà Nguyễn Thị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo biên lai thu tạm ứng án phí Tòa án số AA/2022/0001437 ngày

09 tháng 3 năm 2023. Sau khi khấu trừ, bà Nguyễn Thị H được nhận lại số tiền 1.750.000 đồng (một triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng).

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP BMT;
- Chi cục THADS TP B;
- UBND P. T, TP. B.
- Các đương sự;
- Lưu HS

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Trương Thị Đông